

Bản án số: 844/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-12-2022.

Về việc: “*Tranh chấp xác định
mẹ cho con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Nguyễn Thị Mai.
2, Ông Nguyễn Hữu Đệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp xác định mẹ cho con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2022/QĐHPT-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã ĐX, huyện Sóc sơn, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn K, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ x, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3.2. Chị Phạm Thị Hồng L1, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn Tr, trị trấn Ch, huyện Y, tỉnh B.

3.3. Chị Phạm Thị Hồng H, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.4. Chị Phạm Thị Hồng H1, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3.5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Có mặt: Bà G, ông K, chị L, chị L1 và chị H1.

- Vắng mặt: Chị H và bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu xác định cha mẹ cho con ghi ngày 08 tháng 09 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà chung sống như vợ chồng với ông Phạm Văn K từ năm 1996 không đăng ký kết hôn, vì khi đó ông K đã có vợ chưa ly hôn là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; quê ở: Thôn X, xã K, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nhưng bà T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 03 năm 1993 không có tin tức gì.

Quá trình chung sống, bà và ông K sinh lần lượt được 04 người con gái là: Chị Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1997; Chị Phạm Thị Hồng L1, sinh ngày 08 tháng 08 năm 1998; Chị Phạm Thị Hồng H, sinh ngày 04 tháng 07 năm 2002 và Phạm Thị Hồng H1, sinh ngày 08 tháng 04 năm 2004.

Do không hiểu biết pháp luật nên ông K làm thủ tục đăng ký khai sinh cho các con tại Ủy ban nhân dân xã X đều khai phân bố đẻ là ông Phạm Văn K, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T.

Để làm cơ sở đăng ký cấp lại khai sinh cho các con đúng với quy định của pháp luật, bà đề nghị Toà án xác định các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 là con đẻ của bà và ông Phạm Văn K.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, ông Phạm Văn K là bị đơn trong vụ án trình bày: Ông xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; quê ở: Thôn X, xã K, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 09 tháng 10 năm 1992. Sau khi cưới, bà T về chung sống với ông ngay và chuyển khẩu về quê ông từ ngày 25 tháng 11 năm 1992. Tháng 03 năm 1993, bà T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ bà ở một thời gian thì bỏ đi biệt tích đến nay không có tin tức gì. Ông và hai gia đình đã đi tìm khắp nơi nhưng không biết bà T sinh sống, làm ăn ở đâu. Năm 1996, ông gặp và quen biết bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970, quê ở: Đ, ĐX, Sóc Sơn, Hà Nội và chung sống như vợ chồng với bà G từ đó đến nay tại nhà ông. Quá trình chung sống, giữa ông và bà G có với nhau 04 người con chung như bà G khai trên.

Ông cũng nhất trí với quan điểm của bà G về việc đề nghị Toà án xác định ông và bà G là cha đẻ, mẹ đẻ của các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 để làm cơ sở đăng ký cấp lại khai sinh cho các con theo đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 đều có lời khai: Khi còn nhỏ và đến tuổi đi học các chị được bố mẹ làm hồ sơ cho, đến khi trưởng thành các chị vẫn nghĩ mẹ đẻ tên là Nguyễn Thị T, còn tên G là tên thường gọi. Chỉ đến khi Toà án giải quyết đơn khởi kiện của bà G, các chị mới được sự thật ông K có vợ là bà Nguyễn Thị T và bà T không phải là mẹ đẻ của các chị. Các chị thống nhất với quan điểm về việc giải quyết của bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Văn K nêu ở trên.

2/ Bà Nguyễn Thị T không nộp (gửi) cho Toà án ý kiến bằng văn bản về việc có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G và vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án của Toà án.

Tại phiên toà, các đương sự có mặt vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị G, bị đơn là ông Phạm Văn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 chấp hành đầy đủ các thông báo và quyết định tố tụng của Toà án, các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Chị Phạm Thị Hồng H vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn xin vắng mặt; Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên tòa không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28 v Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với ông Phạm Văn K. Xác định bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Văn K là cha đẻ, mẹ đẻ của các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị G nộp cả tiền án phí phải chịu là án phí không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị T không chấp hành các Thông báo, Quyết định tố tụng của Tòa án, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X cho biết, bà T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nhiều năm nay, không có tin tức gì; Chị Phạm Thị Hồng H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử vụ án của Tòa án nhưng đã có đơn xin vắng mặt vì lý do nuôi con nhỏ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 09 tháng 10 năm 1992, số đăng ký: 50, quyển số 01. Bà T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 03 năm 1993 không có tin tức gì nhưng giữa bà và ông K vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân.

Năm 1996, ông Phạm Văn K chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị G và sinh được 04 người con chung là: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1. Ông bà đều đăng ký khai sinh cho các con với phần khai mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T.

Theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị G, Tòa án đã trưng cầu giám định AND huyết thống giữa ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị G và các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Công nghệ Gen PLUS.

Tại Kết luận giám định số 15T10/22/DNA ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Công nghệ Gen PLUS đã kết luận:

“- Ông Phạm Văn K có quan hệ huyết thống bố - con với Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1.

- Bà Nguyễn Thị G có quan hệ huyết thống mẹ - con với Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1”.

Căn cứ vào kết quả giám định nêu trên, có đủ cơ sở xác định ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị G là cha đẻ, mẹ đẻ của các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về xác định con; Thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con và người có quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con như sau:

“Điều 89. Xác định con

1. Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình.

Điều 101. Thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con

1....

2. Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trong trường hợp được quy định tại Điều 92 của Luật này.

Quyết định của Tòa án về xác định cha, mẹ, con phải được gửi cho cơ quan đăng ký hộ tịch để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch; các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con có liên quan theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 102. Người có quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con

1....

2. Cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án xác định con, cha, mẹ cho mình trong trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật này”.

Đối chiếu với những quy định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đề nghị Tòa án xác định bà và ông K là mẹ đẻ, cha đẻ của các chị: L, L1, H, H1 là có hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Văn K và các chị: Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ

tịch; các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con có liên quan theo quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị G chịu cả tiền án phí 300.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 89; khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 28, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với ông Phạm Văn K.

2. Xác định bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã ĐX, huyện Sóc sơn, thành phố Hà Nội và ông Phạm Văn K, sinh năm 1971; Nơi thường trú: Thôn K, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội là cha đẻ, mẹ đẻ của các chị: Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1997; Phạm Thị Hồng L1, sinh ngày 08 tháng 08 năm 1998; Phạm Thị Hồng H, sinh ngày 04 tháng 07 năm 2002 và Phạm Thị Hồng H1, sinh ngày 08 tháng 04 năm 2004.

3. Bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Văn K và các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng H và Phạm Thị Hồng H1 có quyền tự liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch; các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con có liên quan theo quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị G chịu cả tiền án phí. Bà G đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047033 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay được chuyển thành tiền án phí và nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Các chị: Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Hồng L1 và Phạm Thị Hồng H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án về phần có liên quan trong vụ án.

5.3. Chị Phạm Thị Hồng H và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ về phần có liên quan trong vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã X;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

